

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2022/HS-PT**

Ngày: 30/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có:
Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2022/TLPT-HS ngày 5/4/2022 đối với bị cáo Trần Viết N cùng các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Trần Viết N, Phạm Ngọc Th, Nguyễn Viết La, Nguyễn Lo, Lê Quang Vie, Mai Văn Bảo L, Lê Đức T, Nguyễn Đức K, Lê Tấn V, Nguyễn Quang Nh, Lê Tiến H, Nguyễn Duy Tho, Hồ Văn Vi, Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Quốc Tu, Nguyễn Đình B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Viết N - Sinh ngày 28 tháng 02 năm 1986 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Số 376 đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tì và bà Nguyễn Thị Ngọc Y (*Đều còn sống*); Có vợ là Trần Thị Bí và có 03 con, (*con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017*).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Ngọc Th - Sinh ngày 06 tháng 3 năm 1975 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Số K235/33 đường L, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Phạm Ngọc Cư và bà Nguyễn Thị T (*đều đã chết*). Có vợ là Trần Thị Kim V và có 01 con sinh năm 2005.

+ Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Về nhân thân: Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 129 ngày 13/10/1994 của TAND thành phố Đà Nẵng đã xử phạt 03 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự ở nơi công cộng*” và 06 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*” (*đã được xóa án tích*).

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Viết La - Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1989 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú hiện nay: B đường C, phường B, quận Ch, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: LĐPT. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn H và bà Thái Thị T (*Đều còn sống*); Có vợ là Bùi Thị Hoài Th và có 02 con (*con lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019*).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Lo - Sinh ngày 18 tháng 4 năm 1988 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Số K363/06 đường Du, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Kinh Doanh; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng B (*chết*) và bà Hồ Thị T (*còn sống*), Có vợ là Nguyễn Thị Thủy T, chưa có con;

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Quang Vie - Sinh ngày 12 tháng 5 năm 1993 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 17A, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: LĐPT. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Không rõ và bà Lê Thị Thương Hoài Bích Ng (*chết*). Có vợ là Nguyễn Thị Bích Hu và có 01 con sinh năm 2019.

+ Tiền án, tiền sự: Không.

+ Về nhân thân: Tại Bản án số 01/2017/HSST ngày 09/01/2017 của TAND quận Hải Châu đã xử phạt 09 tháng tù giam về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Ra tù ngày 25/5/2017 (*đã được xóa án tích*).

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

6. Mai Văn Bảo L - Sinh ngày 22 tháng 8 năm 1985 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Số K392/16 đường V, phường Th, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Ch và bà Nguyễn Thị Xuân Hư (*đều còn*

sống), Có vợ là Huỳnh Thị Nhất Ha (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, (con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017 sau ly hôn vợ nuôi con).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Về nhân thân: Ngày 18/6/2013 bị Công an quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng (đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính).

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Đức T - Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1990 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Số 28 đường Q7, phường Qu, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức A và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ (Đều còn sống). Có vợ là Vũ Thị My L và có 01 con sinh năm 2017.

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Đức K - Sinh ngày 03 tháng 6 năm 1984 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Tổ 27, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị Bo (đều còn sống). Có vợ là Đào Thị Nh (đã ly hôn); (Bị cáo có một con riêng sinh năm 2008).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Tấn V - Sinh ngày 24 tháng 6 năm 1981 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ti và bà Lê Thị L (Đều còn sống). Có vợ là Nguyễn Châu Thùy Tr và có 01 con sinh năm 2016.

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Về Nhân thân:

+ Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 04 ngày 08/01/2001 của TAND thành phố Đà Nẵng đã xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (đã được xóa án tích coi như chưa có án tích)

+ Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 130 ngày 05/6/2015 của TAND tỉnh Quảng Nam đã xử phạt 06 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. (đã được xóa án tích, coi như chưa có án tích).

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Quang Nh - Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1987 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Số 36 đường Qu, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang X và bà Vương Thị V (*Đều còn sống*). Có vợ là Phan Thị Thanh Ng và có 02 con, (*con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016*).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

11. Lê Tiến H - Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1977 tại tỉnh Hà Tĩnh. Nơi ĐKNKTT: Tổ 18 phường Na, quận Ch, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú hiện nay: K, phường M, quận Ch, thành phố Đà Nẵng ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng S và bà Nguyễn Thị Hư (*Đều còn sống*). Có vợ là Trần Thị Thu Qu và có 03 con, (*con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014*).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Duy Tho - Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1983 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Thôn N2, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Bán cà phê. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thu và bà Nguyễn Thị K (*Đều còn sống*). Có vợ là Nguyễn Thị Bích Ng và có 02 con, (*con lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018*).

+ Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/HSST ngày 24/12/2003 của Tòa án nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử bị cáo Nguyễn Duy Tho 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, (*Bị cáo chưa nộp án phí HSST theo quyết định của bản án nên chưa được xóa án tích*).

+ Tiền sự: Chưa

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

13. Hồ Văn Vi (L) - Sinh ngày 05.7.1984 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: 442/11 đường D, tổ 21 phường Th, quận H, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn G và bà Nguyễn Thị H (*đều còn sống*). Có vợ là Phạm Thị Th (*đã ly hôn*) và có 01 con năm 2013 sau ly hôn bị cáo nuôi con).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2020 đến ngày 19/3/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

14. Nguyễn Quốc Tu - Sinh ngày 25 tháng 4 năm 1982 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Tổ 49, phường B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Buôn bán.

Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H (*còn sống*) và bà Đinh Thị T (*Đã chết*). Có vợ là Phan Thị Ngọc Li và có 02 con (*con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020*).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Về nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2006/HSST ngày 13/01/2006 của TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 3 năm tù (*đã được xóa án tích coi như chưa có án tích*).

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

15. Nguyễn Đức Ch - Sinh ngày 17 tháng 3 năm 1980 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Ho và bà Nguyễn Thị N (*đều đã chết*). Có vợ là Kiều Thị Thùy Tr và có 02 con (*con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2010*).

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

16. Nguyễn Đình B - Sinh ngày 18 tháng 9 năm 1982 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Khu 2A, phòng O, chung cư B, phường Hòa Thọ Đ, quận L thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Hu (*chết*) và bà Đoàn Thị Ngọc La (*còn sống*). Có vợ là Trần Thị Ly L và có 01 con sinh năm 2017.

+ Tiền án, tiền sự: Chưa

- Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà **Trần Thị Bí** - Sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Số 376 đường V, phường Th, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ, ngày 13/7/2020 tại đường Th, thuộc phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang Trần Viết N đang tiến hành giao số tiền 1.167.520.000 đồng (*một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng*) cho Phạm Ngọc Th (*N và Th khai nhận đây là số tiền N chi trả tiền thắng cá cược cho những người đánh bạc qua mạng Internet*).

Qua điều tra xác định:

Khoảng giữa năm 2019 Trần Viết N bắt đầu tổ chức đánh bạc dưới hình thức cá cược qua mạng Internet. N lấy các con mạng tổng (gọi là *Super*) có tên: 8Q79, 8Q95, 8UT2, 8Q21, 8U87 ... từ một người tên là B (*Không rõ lai lịch*) để đăng nhập qua các trang mạng www.bong88.com, Vs88ag.com.

Để tạo đường dây tổ chức đánh bạc dưới hình thức cá cược qua mạng Internet, N đưa những con mạng trên cho Nguyễn Lo với nhiệm vụ quản lý và chia ra nhiều con mạng nhỏ để giao lại cho nhiều đối tượng cấp dưới khác tổ chức đánh bạc qua mạng Internet, với tiền công hằng tháng N trả cho Lo là 10.000.000 đồng/ tháng. Đến thứ hai hằng tuần, Lo sẽ theo dõi kết quả thắng thua rồi báo lại cho N. Sau đó, N thuê Lê Quang Vie và Mai Văn Bảo L với nhiệm vụ đi giao nhận tiền thắng thua, tiền công hằng tháng N trả là 7.000.000 đồng/tháng. Các con mạng sau khi được chia nhỏ ra, N và Nguyễn Lo đã giao cho những đối tượng cấp dưới gồm Nguyễn Đức K, Phạm Ngọc Th, Nguyễn Viết La, Lê Đức T, Lê Tấn V, Nguyễn Quang Nh và Lê Tiến H tiếp tục tổ chức cho các bị cáo Nguyễn Duy Tho, Hồ Văn Vi, Nguyễn Quốc Tu, Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Đình B và nhiều đối tượng khác sử dụng thiết bị điện tử kết nối qua mạng Internet để đánh bạc dưới hình thức thắng thua bằng tiền được xác định đối với nhóm tổ chức đánh bạc cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến ngày bị bắt quả tang 13/7/2020 Trần Viết N với sự giúp sức của Nguyễn Lo, Lê Quang Vie và Mai Văn Bảo L tổ chức đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc 347.901.046.000đ, N thu lợi bất chính số tiền: 2.665.054.750đ; Nguyễn Lo thu lợi bất chính 100.000.000đ; Lê Quang Vie thu lợi bất chính 63.000.000đ và Mai Văn Bảo L thu lợi bất chính số tiền 9.000.000đ; Phạm Ngọc Th tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 156.755.040.000đồng, Nguyễn Viết La tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là: 25.134.515.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền: 365.450.190 đồng; Lê Tấn V tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 8.032.453.000 đồng, thu lợi bất chính 12.069.440 đồng; Nguyễn Đức K tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là: 4.112.480.000 đồng, thu lợi bất chính: 67.120.840 đồng; Lê Tiến H tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 3.391.355.000 đồng, thu lợi bất chính là: 38.134.500 đồng và các bị cáo Nguyễn Lo, Lê Đức T, Nguyễn Quang Nh cùng tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 12.962.650.000 đồng (*do thua nên không thu lợi bất chính*) và đối với nhóm các bị cáo đánh bạc số tiền đánh bạc xác định Hồ Văn Vi đánh bạc với tổng số tiền 1.925.705.850 đồng, thu lợi bất chính là 16.282.850 đồng; Nguyễn Đức Ch đánh bạc với tổng số tiền 970.511.200 đồng, thu lợi bất chính là 211.200 đồng; Nguyễn Quốc Tu đánh bạc với tổng số tiền 315.725.000 đồng; Nguyễn Duy Tho đánh bạc với tổng số tiền là 268.400.000 đồng, và Nguyễn Đình B đánh bạc với số tiền 88.870.000 đồng, thu lợi bất chính là 12.270.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 1/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Trần Viết N, Phạm Ngọc Th, Nguyễn Viết La, Nguyễn Lo, Lê Quang Vie, Mai Văn Bảo L, Nguyễn Đức K, Lê Tấn V, Lê Đức T, Nguyễn Quang Nh, và Lê Tiến H phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Các bị cáo: Hồ Văn Vi, Nguyễn Quốc Tu, Nguyễn Duy Tho, Nguyễn Đình B, Nguyễn Đức Ch phạm tội “ *Đánh bạc* ”.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Viết N 07 (*bảy*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 60.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Lo 05 (*năm*) năm 09 (*chín*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 45.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b,c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Quang Vie 05 (*năm*) năm 09 (*chín*) tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 45.000.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Mai Văn Bảo L 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 40.000.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Ngọc Th 05 (*năm*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 35.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Viết La 05 (*năm*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 35.000.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Đức T 05 (*năm*) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 30.000.000 đồng. Do đang tạm giữ của bị cáo 4.000.000 đồng. Số tiền phạt bổ sung còn lại là 26.000.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Tấn V 05 (*năm*) tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 30.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức K 05 (năm) tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 30.000.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quang Nh 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 30.000.000 đồng. Do đang tạm giữ của bị cáo 1.100.000 đồng. Số tiền phạt bổ sung còn lại là 28.900.000 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Tiến H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung 30.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Duy Tho 03 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Hồ Văn Vi 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ 08 (tám) tháng 07 (bảy) ngày, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 02 (hai) năm 23 (hai mươi ba) ngày, kể từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Quốc Tu 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020). Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức Ch 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đình B 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bổ sung 15.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 08/3/2022 bị cáo Nguyễn Đức Ch, Lê Tiến H và Nguyễn Đình B cùng có

đơn kháng cáo với nội dung xin nhẹ một phần hình phạt và cho hưởng án treo.

Ngày 10/3/2022 bị cáo Hồ Văn Vi có đơn kháng cáo với nội dung án sơ thẩm xử nặng, xin nhẹ một phần hình phạt.

Ngày 14/3/2022 các bị cáo Nguyễn Quốc Tu, Nguyễn Duy Tho, Nguyễn Lo, Nguyễn Viết La, Lê Đức T, Lê Quang Vie, Nguyễn Đức K, Phạm Ngọc Th, Nguyễn Quang Nh, Mai Văn Bảo L, Lê Tấn V, Trần Viết N cùng có đơn kháng cáo với nội dung, án sơ thẩm xử nặng, xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

Ngày 10/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bí có đơn kháng cáo với nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà nộp lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Randrover mang BKS số: 43A- 394.54 là không đúng vì đây là tài sản riêng của bà. Nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho nhận lại chiếc xe trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Viết N, Phạm Ngọc Th, Nguyễn Lo, Lê Quang Vie, Mai Văn Bảo L, Nguyễn Viết La, Lê Đức T, Nguyễn Đức K, Lê Tấn V, Nguyễn Quang Nh, Nguyễn Quốc Tu, Nguyễn Duy Tho, Hồ Văn Vi, Lê Tiến H, Nguyễn Đức Ch và Nguyễn Đình B đều giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để có thời gian học tập, cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình làm ăn nuôi con; đồng thời các bị cáo Lê Tiến H, Nguyễn Đức Ch và Nguyễn Đình B còn xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện lo cho cuộc sống gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét thấy, Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến ngày bị bắt quả tang 13/7/2020 Trần Viết N với sự giúp sức của Nguyễn Lo, Lê Quang Vie và Mai Văn Bảo L tổ chức đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc 347.901.046.000đ, N thu lợi bất chính số tiền: 2.665.054.750đ; Nguyễn Lo thu lợi bất chính 100.000.000đ; Lê Quang Vie thu lợi bất chính 63.000.000đ và Mai Văn Bảo L thu lợi bất chính số tiền 9.000.000đ; Phạm Ngọc Th tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 156.755.040.000 đồng, Trần Viết La tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là: 25.134.515.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền: 365.450.190 đồng; Lê Tấn V tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 8.032.453.000 đồng, thu lợi bất chính 12.069.440 đồng; Nguyễn Đức K tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là: 4.112.480.000 đồng, thu lợi bất chính: 67.120.840 đồng; Lê Tiến H tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 3.391.355.000 đồng, thu lợi bất chính là: 38.134.500 đồng và các bị cáo Nguyễn Lo, Lê Đức T, Nguyễn Quang Nh cùng tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 12.962.650.000 đồng, Hồ Văn Vi đánh bạc với tổng số tiền 1.925.705.850 đồng, thu lợi bất chính là 16.282.850 đồng; Nguyễn Đức Ch đánh bạc với tổng số tiền 970.511.200 đồng, thu lợi bất chính là 211.200 đồng; Nguyễn Quốc Tu đánh bạc với tổng số tiền 315.725.000 đồng, Nguyễn Duy Tho đánh bạc với tổng số tiền là 268.400.000 đồng, và Nguyễn Đình B đánh bạc với số tiền 88.870.000 đồng, thu lợi bất chính là 12.270.000

đồng. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 01/03/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Trần Viết N, Nguyễn Lo, Lê Quang Vie, Nguyễn Việt La; Nguyễn Đức K về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 322 BLHS và Phạm Ngọc Th, Mai Văn Bảo L, Lê Đức T, Lê Tấn V, Nguyễn Quang Nh, Lê Tiến H về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c khoản 2 Điều 322 BLHS và các bị cáo Nguyễn Duy Tho, Hồ Văn Vi, Nguyễn Quốc Tu, Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Đình B về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy, khi Cơ quan công an phát hiện bắt quả tang các bị cáo N và Th đang giao nhận tiền thắng cá độ bóng vào lúc 15 giờ ngày 13/7/2020, trên cơ sở từ lời khai tự thú của N, Th Cơ quan Công an tiến hành đồng loạt mời các đối tượng có liên quan lên làm việc thì các bị cáo lần lượt tự thú khai ra việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc thời gian trước đó chưa bị phát hiện, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS; Ngoài ra đối với bị cáo N trong quá trình điều tra bị cáo còn tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho tất cả các bị cáo và điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị N là thiếu sót, mặt khác sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tác động gia đình và tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính và toàn bộ tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án, đồng thời có một số bị cáo còn bổ sung thêm một số tình tiết mới, đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS cho tất cả các bị cáo và điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo N. Xét các bị cáo đều có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm (*trừ bị cáo Nguyễn Quốc Tu*), Tuy nhiên, xét về mức hình phạt 05 (*năm*), 03 tháng tù đối với các bị cáo Th, La và 05 (*năm*) tù đối với bị cáo T mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp, riêng đối với bị cáo Tu không có tình tiết mới ở cấp phúc thẩm; Do đó, đối với các bị cáo Th, La, Th và Tu đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với các bị cáo còn lại, đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; Riêng đối với hai bị cáo Ch và B số tiền các bị cáo cá cược đánh bạc cho mỗi lần đều dưới 5.000.000đ, tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thể hiện thì mỗi bị cáo chỉ có 02 lần cá cược số tiền 5.000.000đ là đủ định lượng bị truy cứu trách nhiệm hình về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Xét các bị cáo Ch, B đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022, nên đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên mức hình phạt và chuyển cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS là cũng phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội về việc việc “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” dưới hình thức cá độ bóng đá thông qua việc sử dụng các thiết bị có kết nối mạng Internet được thắng thua bằng tiền; Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện có tại hồ sơ vụ án HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến ngày bị bắt 13/7/2020 bị cáo N được được sự giúp sức của các bị cáo Nguyễn Lo, Lê Quang Vie và Mai Văn Bảo L đã đứng ra tổ chức mạng lưới đánh bạc dưới hình thức cá cược bóng đá thông qua việc sử dụng các thiết bị có kết nối mạng Internet được thắng thua bằng tiền với tổng số tiền tổ chức đánh bạc 347.901.046.000đ, N thu lợi bất chính số tiền 2.665.054.750đ, các bị cáo Nguyễn Lo, Lê Quang Vie và Mai Văn Bảo L những người giúp sức cho N trong việc tổ chức đánh bạc và được N trả lương mỗi tháng từ 7.000.000đ/ tháng đến 10.000.000đ/ tháng, trong đó Nguyễn Lo thu lợi bất chính 100.000.000đ, Vie thu lợi bất chính 63.000.000đ và Bảo Lo thu lợi bất chính số tiền 9.000.000đ; Phạm Ngọc Th tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 156.755.040.000đ (do thua không thu lợi bất chính), Trần Viết La tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là: 25.134.515.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền: 365.450.190 đồng; Lê Tấn V tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 8.032.453.000 đồng, thu lợi bất chính 12.069.440 đồng; Nguyễn Đức K tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là: 4.112.480.000 đồng, thu lợi bất chính: 67.120.840 đồng; Lê Tiến H tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 3.391.355.000 đồng, thu lợi bất chính là: 38.134.500 đồng và các bị cáo Nguyễn Lo, Lê Đức T, Nguyễn Quang Nh cùng tổ chức đánh bạc với tổng số tiền là 12.962.650.000 đồng (do thua nên không thu lợi bất chính), đối với nhóm các bị cáo đánh bạc được xác định số tiền đánh bạc cụ thể: Hồ Văn Vi đánh bạc với tổng số tiền 1.925.705.850 đồng, thu lợi bất chính là 16.282.850 đồng; Nguyễn Đức Ch đánh bạc với tổng số tiền 970.511.200 đồng, thu lợi bất chính là 211.200 đồng; Nguyễn Quốc Tu đánh bạc với tổng số tiền 315.725.000 đồng, bị thua 26.334.100đ, (không thu lợi bất chính); Nguyễn Duy Tho đánh bạc với tổng số tiền là 268.400.000 đồng, bị thua 35.061.600 đồng, (không thu lợi bất chính) và Nguyễn Đình B đánh bạc với số tiền 88.870.000 đồng, thu lợi bất chính là 12.270.000 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2022/HS-ST ngày 01/3/2022 Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Trần Viết N, Nguyễn Lo, Lê Quang Vie, Nguyễn Viết La, Nguyễn Đức K về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 322 BLHS; xét xử các bị cáo Mai Văn Bảo L, Lê Đức T, Lê Tấn V, Nguyễn Quang Nh, Lê Tiến H, về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo điểm c khoản 2 Điều 322 BLHS và xét xử các bị cáo Nguyễn Duy Tho, Hồ Văn Vi, Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Quốc Tu, Nguyễn Đình B về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên, các bị cáo đều cho rằng mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là quá nghiêm khắc, vì vậy, các bị cáo xin HĐXX cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo có ít thời gian học tập, cải tạo tốt

sớm được đoàn tụ với gia đình làm ăn nuôi các con còn nhỏ, riêng các bị cáo H, Ch và B ngoài việc xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo còn xin được hưởng án treo cải tạo tại địa phương, để có điều kiện làm ăn, lo cho cuộc sống gia đình.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo HĐXX thấy rằng:

[2.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự công cộng, vì vậy, việc đấu tranh phòng chống tệ nạn cờ bạc trong xã hội là cần thiết, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được việc “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” dưới bất kỳ hình thức nào được thắng thua bằng tiền khi không được Nhà nước cho phép đều bị pháp luật trừng trị, xử lý tùy theo tính chất, mức độ do hành vi trái pháp luật đó gây ra; Song chỉ vì hám lợi các bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật sử dụng thiết bị điện tử kết nối qua mạng internet để thực hiện hành vi phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” với quy mô lớn, số tiền thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức đánh bạc của các bị cáo là rất lớn trên 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) và số tiền các bị cáo dùng đánh bạc cũng trên 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) trở lên, đồng thời thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần “*Phạm tội 02 lần trở lên*”; Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng xử phạt tù cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là nhằm mục đích răn đe, cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết. Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ thu thập có tài hồ sơ vụ án, HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng: Ngày 13/7/2020 bị cáo N và Th bị Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang khi Nghĩa đang giao tiền thắng thua cá độ bóng đá cho bị cáo Th, sau khi bị bắt giữ trên cơ sở tự thú từ lời khai nhận của bị cáo N, Th Cơ quan Công an thành phố Đà Nẵng đồng loạt triệu tập các bị cáo có tham gia trong vụ án nhưng chưa bị phát hiện lên làm việc cùng ngày 13/7/2020, từ đó các bị cáo khác mới lần lượt tự thú ra khai ra hành vi phạm tội của mình có tham gia cùng với bị cáo N trong việc “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” qua mạng Internet được thắng thua bằng tiền trong thời gian trước đó nhưng chưa được phát hiện, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS mà các bị cáo được hưởng nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét để áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt là có thiếu sót, nên cấp phúc thẩm bổ sung cho

phù hợp, ngoài ra sau khi xét sơ thẩm các bị cáo đều tiếp tục tác động gia đình, cũng như tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính, và toàn bộ tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, trong đó gia đình bị cáo N đã nộp hơn $\frac{1}{2}$ số tiền bị cáo thu lợi bất chính, đồng thời trong vụ án này chính bị cáo N là người tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong việc phát hiện tội phạm (*đồng phạm của bị cáo*) nhanh chóng kết thúc vụ án, nên cần áp dụng thêm cho bị cáo N tình tiết này quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS, ngoài ra gia đình bị cáo N còn bổ sung thêm bị cáo có ông nội, bà nội, cô ruột được Nhà nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến” hạng nhất, hạng ba, Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy những tình tiết này sẽ được xem xét khi lượng hình về hình phạt cho bị cáo, ngoài ra một số bị cáo khác còn có bổ sung thêm tình tiết mới như: Bị cáo Ch là quân nhân xuất ngũ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình đang nuôi con còn nhỏ, vợ bị bệnh nang y hiểm nghèo (*có xác nhận của địa phương*), bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính (*bị bệnh thoái hóa cột sống*), bị cáo Nh gia đình có công cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba, Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, bị cáo K gia đình có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình, nuôi con riêng còn nhỏ (*có xác nhận của địa phương*), bị cáo B có con bị khuyết tật, đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm để HĐXX xem xét việc kháng cáo của các bị cáo.

[2.2] Xét thấy, tại cấp phúc thẩm tuy hai bị cáo Th, La có tình tiết mới phát sinh, song số tiền bị cáo Th tổ chức đánh bạc cũng rất lớn chỉ sau bị cáo N và nhiều hơn bị cáo La (*nhưng không thu lợi bất chính*), trong khi bị cáo La thu lợi số tiền bất chính rất lớn (*trên 350.000.000đ*), nhưng chỉ nộp ở cấp sơ thẩm 50.000.000đ, số tiền còn lại không tác động gia đình nộp lại tại cấp phúc thẩm, vì vậy, với mức hình phạt 05 (*năm*), 03 (*ba*) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo này là phù hợp, riêng đối với bị cáo Tu, tuy số tiền đánh bạc có ít hơn so với bị cáo Ch, nhưng về nhân thân bị cáo không tốt và không có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo này, giữ nguyên Bản án sơ

thẩm như đề nghị của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[2.3] Đối với các bị cáo còn lại, đều có những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng, Do đó, HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt như đề nghị của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[2.4] Đối với phần kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Lê Tiến H, Nguyễn Đức Ch và Nguyễn Đình B, mặc dù tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS cho hai bị cáo Ch và B; Song, HĐXX xét thấy tuy bị cáo Ch có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh ở cấp phúc thẩm, bị cáo Bảo số tiền đánh bạc ít hơn các bị cáo khác, nhưng do các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, đồng thời phạm tội (*từ hai lần trở lên*), nên các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS như hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC ngày 15/4/2022. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo cho cả 03 (*ba*) bị cáo và không chấp nhận việc đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa cho hai bị cáo Ch và B được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bí HĐXX cấp phúc thẩm nhận thấy: Tại Bản kết luận điều tra bổ sung (BL1871-1872) của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Xe ô tô BKS số 43A-394-54 đứng tên chủ sở hữu bà Trần Thị Bí không có liên đến việc bị cáo N phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N khai xe ô tô BKS số 43A-394-54 là tiền hợp pháp của vợ bị cáo (*bà Bí*) được cha mẹ vợ cho riêng (*không cho chung*), bị cáo không có liên quan đến việc mua xe (*BL1260*), bà Bích khai tiền mua xe ô tô BKS số 43 A-394-54 là do cha mẹ ruột bà cho riêng 2,5 tỷ đồng để mua, bị cáo N không có góp tiền và cũng không liên quan gì đến giá trị tài sản, mục đích mua xe là dùng làm phương tiện chở ba mẹ bà đi lại (*BL số 1845-1846*), lời khai này phù hợp với lời khai của bà H, ông Nh (*cha, mẹ ruột bà Bí*) tại các (*BL số 1867-1868; 1869-*

1870); Như vậy, có căn cứ xác định chiếc xe ô tô BKS số 43A-394-54 là tài sản riêng hợp pháp của bà Bí được cha mẹ ruột bà tặng cho riêng (*không tặng cho chung*) trong thời kỳ hôn nhân; Do đó, căn cứ vào Điều 43 Luật HN&GD năm 2014 thì xe ô tô BKS số 43A-394.54 là tài sản riêng hợp pháp của bà Bí, đồng thời trong thời kỳ hôn nhân bà Bí cũng không có thỏa thuận nhập tài sản riêng xe ô tô này của bà vào tài sản chung vợ chồng theo quy định tại Điều 46 Luật HN&GD năm 2014; Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 33 Luật HN&GD năm 2014 xác định tài sản xe ô tô hình thành trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản chung của vợ chồng, là tài sản chung hợp nhất, không thể phân chia được để xác định tài sản này đảm bảo cho nghĩa vụ nộp tiền thu lợi bất chính của bị cáo N, qua đó cho rằng việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng tạm giao chiếc xe ô tô cho bà Bí (*chủ sở hữu*) quản lý là không đảm bảo việc thi hành án để buộc bà Bí nộp lại chiếc xe ô tô BKS số 43 A-394-54 là tài sản thuộc sở hữu riêng của bà đảm bảo thi hành án đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo N là không có căn cứ pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu (*bà Bí*), vì đây, không phải là nghĩa vụ riêng về tài sản của bị cáo N phát sinh từ hành vi vi phạm pháp luật của mình được quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật HN&GD năm 2014; Vì lẽ trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Bí sửa một phần của Quyết định Bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp đối với việc buộc bà Bí nộp lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Randrover BKS: 43A-394.54 đứng tên bà Trần Thị Bí về việc đảm bảo thi hành án đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo N; (*Trừ trường hợp bà Bí tự nguyện giao nộp xe ô tô trên là tài sản riêng của bà trong giai đoạn thi hành bản án để thực hiện nghĩa vụ thay cho bị cáo N (chồng bà) đối với số tiền thu lợi bất chính còn lại mà bị cáo N chưa nộp*).

[4] Đối với số tiền mà gia đình các bị cáo, cũng như bị cáo tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và số tiền của vợ chồng ông Trần Tì, bà Nguyễn Thị Ngọc Y được tuyên trả lại cho ông bà theo quyết định của Bản án sơ thẩm, phần quyết định này do không có kháng cáo và không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật thi hành; Tuy nhiên, (*do ông bà tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thay*

cho bị cáo N đối với số tiền thu lợi bất chính còn lại mà bị cáo N chưa nộp). Vì vậy, căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS tiếp tục quy trừ tạm giữ nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí các bị cáo Th, La và Tu phải chịu 200.000đ án phí HSPT, các bị cáo còn lại không phải chịu án phí HSPT và bà Bí cũng không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS.

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Ngọc Th, Nguyễn Viết La và Nguyễn Quốc Tu giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

II. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS.

2.1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Viết N, Nguyễn Lo, Lê Quang Vie, Mai Văn Bảo L, Lê Đức T, Lê Tấn V, Nguyễn Đức K, Nguyễn Quang Nh, Nguyễn Duy Tho, Hồ Văn Vi và một phần kháng cáo của Lê Tiến H, Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Đình B sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo.

III/ Về hình phạt:

3.1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm r,s,t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Viết N: 05 (năm) năm, 10 (mười) tháng** tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Ngọc Th: 05 (năm) năm, 03 (ba) tháng** tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Lo 05 (năm) năm, 03 (ba) tháng** tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.4. Căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 322; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Quang Vie:** **05 (năm)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Viết La:** **05 (năm)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.6. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Mai Văn Bảo L:** **05 (năm)** năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.7. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đức T:** **04 (bốn)** năm, **09 (chín)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.8. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tấn V:** **04 (bốn)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.9. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức K:** **04 (bốn)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.10. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quang N:** **03 (ba)** năm, **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.11. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tiến H:** **02 (hai)** năm, **09 (chín)** tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

3.12. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm h, g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy Tho:** **02 (hai)** năm, **09 (chín)** tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.13. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Văn Vi: 02 (hai)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, *nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam 08 (tám) tháng, 07 (bảy) ngày, thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại là: 01(một) năm, 06 (sáu) tháng, 23 (hai ba) ngày, kể từ ngày bắt giam thi hành án.*

3.14. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quốc Tu: 02 (hai)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 13.7.2020).

3.15. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức Ch: 01 (một)** năm, **03 (ba)** tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3.16. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình B: 01 (một)** năm tù về tội “*Đánh bạc*”, Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

IV. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 1 Điều 357 BLTTHS

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng biện pháp tư pháp đối với bà Trần Thị Bí.

4.1. Về biện pháp tư pháp:

Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bà Trần Thị Bí về việc buộc bà phải nộp lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Randrover BKS số: 43A-394.54 đứng tên chủ sở hữu bà Trần Thị Bí để đảm bảo thi hành án đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trần Viết N. *(Trừ trường hợp bà Trần Thị Bí tự nguyện giao nộp xe ô tô trên là tài sản riêng của bà trong giai đoạn thi hành Bản án để thực hiện nghĩa vụ thay cho bị cáo N (chồng bà) đối với số tiền thu lợi bất chính còn lại mà bị cáo N chưa nộp) theo quy định của pháp luật.*

V. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

Tuyên :

5.1. Tiếp tục quy trừ tạm giữ số tiền 300.200.000đ của Trần Viết N *(do bà Trần Thị Bí nộp tại BL số: 0295 ngày 10/5/2022)* và số tiền 700.000.000đ của ông Trần Tì, bà Nguyễn Thị Ngọc Y được tuyên trả lại theo QĐ của Bản án số: 20/2022/HSST ngày 01/3/2022 *(do cha, mẹ ruột bị cáo N tự nguyện giao nộp để thực hiện nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo N đối với số tiền thu lợi bất chính còn lại mà bị cáo chưa nộp)* hiện có tại Chi cục thi hành án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

5.2. Tiếp tục quy trừ tạm giữ số tiền: 69.120.840đ của Nguyễn Đức K *(do bà Nguyễn Thị Bo nộp tại BL số: 0301 ngày 16/5/2022)*; Số tiền: 30.000.000đ của Nguyễn Quang Nh *(do bà Phan Thị Thanh Ng nộp tại BL số: 0285 ngày 21/4/2022)*; Số tiền: 30.200.000đ của Lê Tấn V *(do ông Lê Tì nộp tại BL số: 0304 ngày 19/5/2022)*; Số tiền: 55.200.000đ của Nguyễn Lo *(do bà Nguyễn Thị Thủy T nộp tại BL số: 0300 ngày 12/5/2022)*; Số tiền: 55.200.000đ của Nguyễn Viết La *(do bà Bùi Thị Hoài Th nộp tại BL số: 0293 ngày 04/5/2022)*; Số tiền: 35.200.000đ của Phạm Ngọc Th *(do bà Trần Thị Kim*

V nộp tại BL số: 0298 ngày 11/5/2022); Số tiền: 54.200.000đ của Mai Văn Bảo L (do ông Mai Văn Ch nộp tại BL số: 0296 ngày 10/5/2022); Số tiền: 55.200.000đ của Lê Quang Vie (do bà Nguyễn Thị Cẩm H nộp tại BL số: 0297 ngày 10/5/2022); Số tiền: 26.200.000đ của Lê Đức T (do bà Nguyễn Thị Ngọc Đ nộp tại BL số: 0302 ngày 16/5/2022); Số tiền: 48.334.500đ của Lê Tiến H (nộp tại BL số: 0284 ngày 19/4/2022); Số tiền: 15.200.000đ của Nguyễn Đức Ch (nộp tại BL số: 0287 ngày 27/4/2022); Số tiền: 18.470.000đ của Nguyễn Đình B (do bà Trần Thị Ly L nộp tại các BL số: 0286 ngày 27/4/2022, BL số: 0294 ngày 05/5/2022) và Số tiền: 15.000.000đ của Nguyễn Duy Tho (do ông Nguyễn Sinh N nộp tại BL số: 0315 ngày 30/5/2022) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

IV. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Phạm Ngọc Th, Nguyễn Việt La và Nguyễn Quốc Tu mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSPT; Các bị cáo còn lại không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Bà Trần Thị Bí không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm BL thu số: 0732 ngày 27/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

V. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- CQCSĐT Công an quận Hải Châu;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Vĩnh Chuyên

